



TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 LÊN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Kết quả điều tra đợt 2 về tác động của đại dịch COVID-19 lên doanh nghiệp Tác giả: Shawn Tan và Trang Trần

Kết quả chính

- Các doanh nghiệp đang hồi phục ở mức trung bình, nhiều doanh nghiệp đang mở cửa trở lại và mức giảm sút doanh thu cũng giảm xuống. Số trường hợp phải cắt giảm giờ làm, giảm lượng khách hàng hay thiếu nguồn cung vật tư cũng giảm xuống. Tuy nhiên, mức sụt giảm doanh số vẫn khá nghiêm trọng (-36% so với cùng kỳ năm ngoái), và tổng số việc làm vẫn chưa được phục hồi và còn thấp hơn nhiều so với thời điểm tháng 1/2020.
- Tình trạng phục hồi cũng không đồng đều:
 - Một số doanh nghiệp đã cải thiện doanh số nhưng nhiều doanh nghiệp khác thậm chí còn bị sụt giảm hơn cả hồi tháng 6; các ngành bán lẻ, bán buôn và các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn có tốc độ phục hồi nhanh hơn.
 - Cầu giảm là nguyên nhân chính dẫn đến tác động hiện nay. Mức độ cạnh tranh tăng lên đối với một số doanh nghiệp trong khi giảm đi đối với một số khác.
 - Các doanh nghiệp sử dụng vật tư nhập khẩu, nhất là từ Trung Quốc, dễ bị tác động bởi gián đoạn chuỗi cung ứng hơn.
 - Tình trạng thanh khoản đã cải thiện nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn có nguy cơ bị đọng nợ, nhất là các doanh nghiệp trong các ngành dịch vụ khác (dịch vụ nhưng trừ bán lẻ, bán buôn).
- Các doanh nghiệp ngày càng bị quan về tình trạng bán hàng và tăng trưởng việc làm trong vòng 6 tháng tới – các doanh nghiệp bị sụt giảm doanh số nhiều lại càng bị quan hơn.
- Các doanh nghiệp tăng cường thích nghi với hoàn cảnh bằng cách ứng dụng công nghệ số - tỉ lệ doanh nghiệp ứng dụng hoặc tăng cường sử dụng công nghệ số đã tăng từ 50% lên 60% kể từ tháng 6. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) đang bắt kịp dần với doanh nghiệp lớn trong đầu tư vào các giải pháp công nghệ số.
- Các doanh nghiệp đều áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho khách hàng và người lao động, và với chi phí không đáng kể.
- Tình trạng tiếp cận hỗ trợ từ chính phủ đã cải thiện đáng kể trong giai đoạn tháng 6 – 9/10. Mặc dù các chương trình hỗ trợ đã được tuyên truyền và biết đến nhiều hơn nhưng vẫn chưa đủ mức. Ngoài ra, không thấy có bằng chứng cho thấy hỗ trợ của chính phủ có tác động lên tình trạng hiện nay của doanh nghiệp (doanh số, khả năng tuyển dụng lao động, sa thải lao động, dòng tiền).

Việt Nam đã sớm áp dụng các biện pháp ứng phó với COVID-19, sớm quy định các biện pháp giãn cách xã hội và hạn chế đi lại. Các biện pháp thực hiện ngay từ giai đoạn đầu – xét nghiệm và truy vết có mục tiêu, và chiến dịch tuyên truyền – đã tỏ ra có hiệu quả. Việt Nam đã áp dụng cách ly khoảng 2-3 tuần hồi tháng 4, và áp dụng hạn chế đi lại tại Đà Nẵng hồi tháng 7. Trong tháng 9, nền kinh tế đã dần dần hồi phục và quay trở lại tình trạng “bình thường mới”, các doanh nghiệp đã hoạt động và người lao động đã đi làm trở lại. Tuy nhiên lượng khách nhập cảnh từ nước ngoài vẫn bị hạn chế đáng kể.

Điều tra đợt 2 Đánh Giá Tác Động Tới Doanh Nghiệp (Business Pulse Survey, BPS) được thực hiện trong giai đoạn cuối tháng 9 – giữa tháng 10 nhằm đánh giá hiện trạng hồi phục kinh tế. Điều tra đợt 2 tiếp tục lấy ý kiến từ các đối tượng đã phỏng vấn đợt 1, khoảng 97%. Ngoài theo dõi các kết quả kinh doanh chính đã điều tra từ đợt 1, chúng tôi còn bổ sung một số chỉ tiêu nhằm nắm rõ hơn tác động lên chuỗi cung ứng, tài chính, tình hình cạnh tranh trên thị trường, và hiện trạng các doanh nghiệp thực hiện quy định về y tế công cộng. Kết quả chúng tôi đã phỏng vấn trực tiếp và qua điện thoại tổng cộng 501 doanh nghiệp với quy mô khác nhau tại 15 tỉnh, thành và các ngành kinh tế như nông nghiệp, công nghiệp chế tạo, bán buôn và bán lẻ, các dịch vụ khác, xem Hình A1 và bảng A1 trong phần phụ lục).

Tác động của Covid-19 lên doanh nghiệp

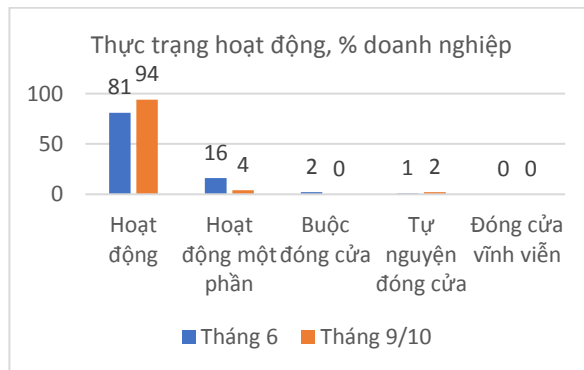


HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

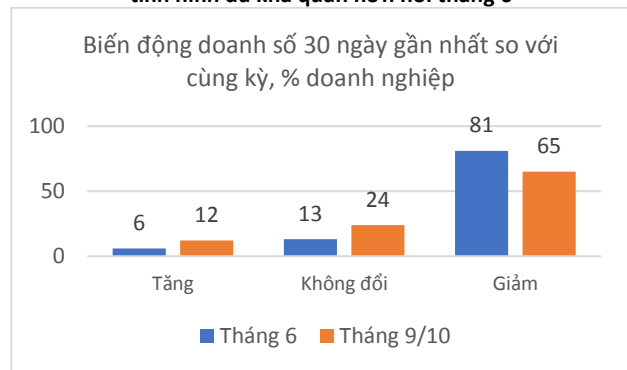
Doanh nghiệp tiếp tục hoạt động trở lại trong giai đoạn tháng 9-10 (Hình 1). Có thêm 13% số doanh nghiệp hoạt động đầy đủ trở lại nâng tổng số này lên 94%. Các nhóm doanh nghiệp với quy mô khác nhau đều hoạt động trở lại với tốc độ như nhau; tuy nhiên nhóm dịch vụ có tốc độ mở cửa trở lại cao hơn một chút so với các nhóm khác, nhưng đây cũng là nhóm có tỉ lệ đóng cửa một phần hoặc toàn bộ cao nhất hồi tháng 6.

Tuy hầu hết các doanh nghiệp đã hoạt động trở lại nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn hoạt động dưới công suất (dưới mức trước đại dịch). Khoảng 1/4 số doanh nghiệp vẫn phải cắt giảm giờ làm việc. Tính trung bình trong tất cả các ngành, quy mô doanh nghiệp, và vùng địa lý, số giờ hoạt động của các doanh nghiệp thấp hơn 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 1: Các doanh nghiệp trở lại hoạt động bình thường

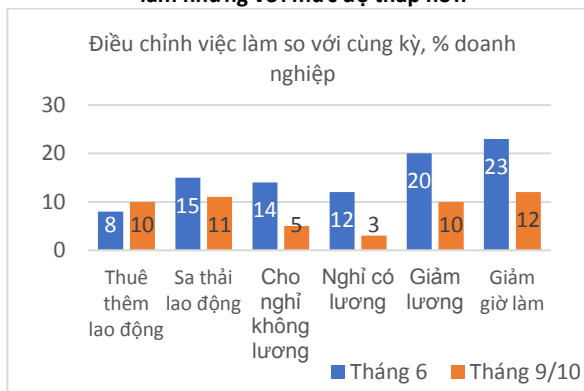


Hình 2: Khoảng 2/3 số doanh nghiệp bị giảm doanh số nhưng tình hình đã khả quan hơn hồi tháng 6

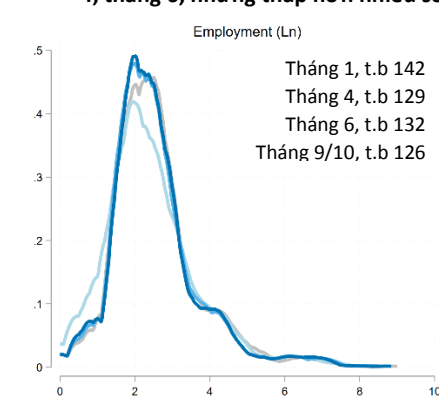


Ghi chú: Các doanh nghiệp đóng cửa, kể cả doanh nghiệp đóng cửa vĩnh viễn, là các doanh nghiệp đã cung cấp câu trả lời; con số này không tính đến các doanh nghiệp có thể đóng cửa trong số các doanh nghiệp không trả lời, do vậy có thể thấp hơn con số dự tính, nhất là trong số các doanh nghiệp đóng cửa vĩnh viễn.

Hình 3: Các doanh nghiệp vẫn phải tạm thời cắt giảm việc làm nhưng với mức độ thấp hơn



Hình 4: Tình trạng việc làm nói chung tương tự như hồi tháng 4, tháng 6, nhưng thấp hơn nhiều so với tháng 1



SỐ CẦU

Khoảng 2/3 số doanh nghiệp bị giảm doanh số bán hàng trong giai đoạn tháng 9-10; tuy nhiên tình hình cũng đã cải thiện hơn hồi tháng 6 (Hình 2). Tuy doanh số liên tục cải thiện nhưng vẫn thấp hơn 36% so với cùng kỳ. Tình hình diễn ra không đồng đều; so với tháng 6, doanh số một số doanh nghiệp cải thiện, trong khi một số khác lại giảm sút. Hồi tháng 6 tình trạng giảm doanh số diễn ra khá đồng đều trong các doanh nghiệp,

nhưng các doanh nghiệp vừa và lớn, và ngành bán buôn, bán lẻ hồi phục tốt hơn. Nhìn chung, các doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp ngành công nghiệp chế tạo và nông nghiệp vẫn không cải thiện so với tháng 6.



TÁC ĐỘNG LÊN VIỆC LÀM

Tình trạng cắt giảm lao động đã giảm nhẹ nhưng hiện trạng việc làm nói chung vẫn không cải thiện so với tháng 6. Các doanh nghiệp vẫn phải áp dụng các biện pháp tạm thời như cho nghỉ phép, giảm lương, giảm giờ làm (Hình 3). Tuy vậy, tỉ lệ số doanh nghiệp phải dùng đến các biện pháp này đã giảm mạnh. Khoảng 10% doanh nghiệp vẫn phải sa thải lao động nhưng các doanh nghiệp khác, với tỉ lệ tương tự, cũng tuyển lao động mới dẫn đến tình hình chung là tổng số việc làm ổn định trong giai đoạn tháng 9-10. Lưu ý rằng sau tháng 4 tổng việc làm đã giảm mạnh, nhưng phục hồi phần nào sau đó, vào khoảng tháng 6 (Hình 4).

Cơ chế tác động

Số các doanh nghiệp gặp vấn đề về khách hàng, nguồn cung, cắt giảm giờ làm việc trong giai đoạn tháng 9-10 đã giảm hơn so với tháng 6 (Hình A2, Phụ lục)



CẦU VÀ THỊ TRƯỜNG ĐẦU RA

Cầu giảm, chủ yếu do số đơn hàng mới giảm. Đơn hàng giảm là nguyên nhân chính làm giảm cầu. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn bị thanh toán chậm, hủy đơn hàng, nhưng nguyên nhân chính vẫn là lượng các đơn hàng mới bị giảm (Hình 5).

Cầu giảm và thực trạng một số doanh nghiệp thoái lui. Phần đông (60%) các doanh nghiệp không thấy có sự thay đổi về mức độ cạnh tranh trên thị trường trong khi khoảng ¼ cảm thấy sức ép cạnh tranh tăng lên so với năm ngoái, chủ yếu do cầu giảm. Một số tương đối lớn (16%) còn thấy sức ép cạnh tranh giảm do một số đối thủ thoái lui. Các doanh nghiệp bị cạnh tranh thường chọn phương án giảm giá bán.



CUNG VÀ THỊ TRƯỜNG ĐẦU VÀO

Chi phí sản xuất cũng diễn tiến theo nhiều hướng khác nhau: trong khi tại 19% số doanh nghiệp chi phí sản xuất tăng khoảng 14% thì tại 13% số doanh nghiệp chi phí sản xuất giảm 20%.

Khoảng 40% doanh nghiệp gặp khó khăn do nguồn cung đầu vào giảm, và 10% phải hủy hợp đồng bán hàng do không đủ vật tư đầu vào (Hình 7). Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng gặp khó khăn do thời gian chờ đợi kéo dài hay gặp vấn đề về kho vận. Các doanh nghiệp lớn ít gặp vấn đề về chuỗi cung ứng đầu vào hơn.

Các doanh nghiệp dựa vào nguồn cung Trung Quốc hay gặp vấn đề về nguồn cung hơn (Hình 8). Phần lớn các doanh nghiệp dựa vào nguồn cung trong nước hoặc Trung Quốc. Các doanh nghiệp mua hàng từ nước ngoài hay gặp vấn đề về kho vận hơn. Đối với hầu hết các doanh nghiệp, thời gian chờ vẫn ổn định, nhưng khoảng 10% số doanh nghiệp bị kéo dài thời gian chờ thêm khoảng 25% tại thời điểm tháng 9 so với cùng kỳ năm ngoái.



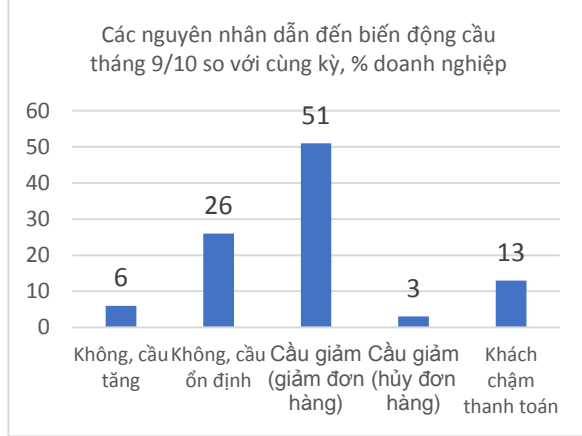
Tiếp cận TÍN DỤNG VÀ THANH KHOẢN

Trong bối cảnh mức cầu thấp hơn bình thường thanh khoản trở thành vấn đề thường xuyên, tuy đã có một số cải thiện (Hình 9). Khoảng một nửa số doanh nghiệp có đủ thanh khoản cho 3 tháng, và khoảng 60% có đủ thanh khoản cho 6 tháng. Đối với các doanh nghiệp dịch vụ khác (tức là dịch vụ nhưng không thuộc khối bán buôn, bán lẻ) thì thanh khoản là vấn đề nghiêm trọng nhất.

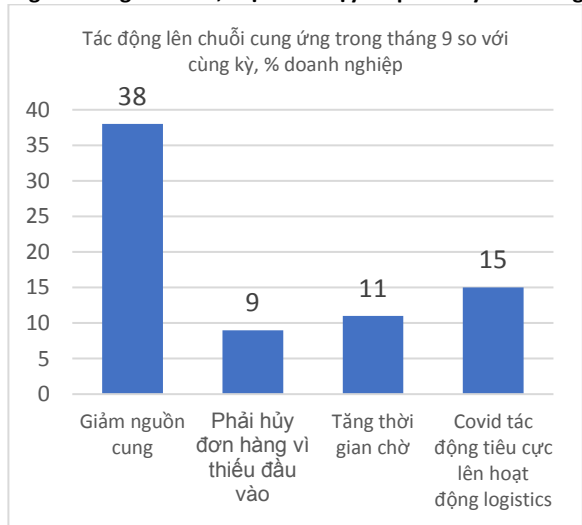
Tiếp cận nguồn tài chính vốn là vấn đề trầm kha tại Việt Nam, trở nên trầm trọng hơn nhất là khi doanh nghiệp đồng thời gặp khó khăn về thanh khoản. Trên 60% doanh nghiệp cho biết họ gặp khó khăn trong tiếp cận nguồn tài chính. Các vấn đề chính bao gồm lãi suất quá cao, rủi ro trả nợ, và thiếu tài sản thế chấp (Hình 10). Các doanh nghiệp lớn không gặp khó khăn về tiếp cận tài chính nhưng các doanh nghiệp SME gặp khó khăn

về tài sản thế chấp. Lãi suất và rủi ro trả nợ là vấn đề chung mà tất cả các doanh nghiệp đều gặp phải. Các doanh nghiệp bị sụt giảm doanh thu thường hay gặp khó khăn hơn khi muốn tiếp cận tín dụng.

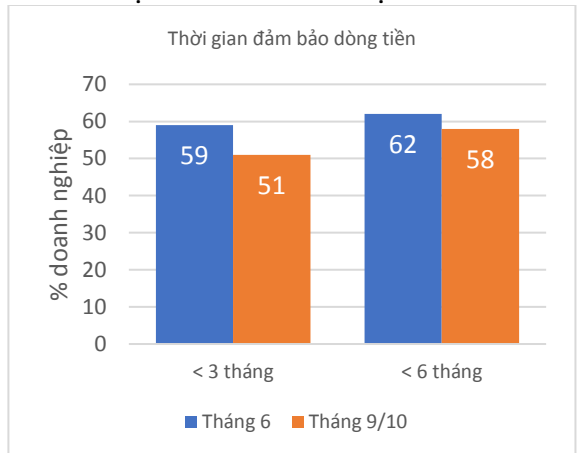
Hình 5: Các doanh nghiệp bị thanh toán chậm và hủy đơn hàng, nhưng vấn đề lớn nhất là giảm đơn hàng mới



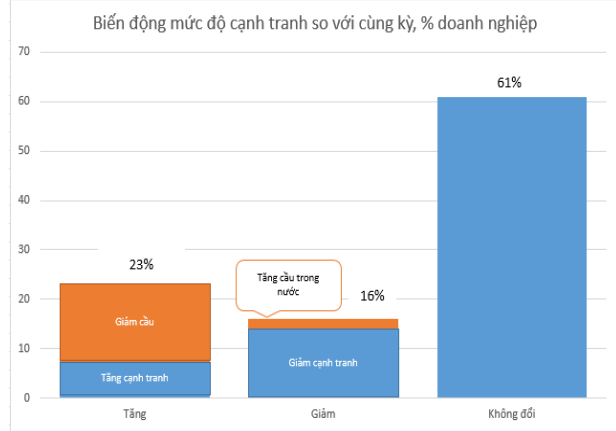
Hình 7: Gần 40% doanh nghiệp gặp khó vì bị giảm nguồn cung đầu vào, một số vì vậy đã phải hủy đơn hàng



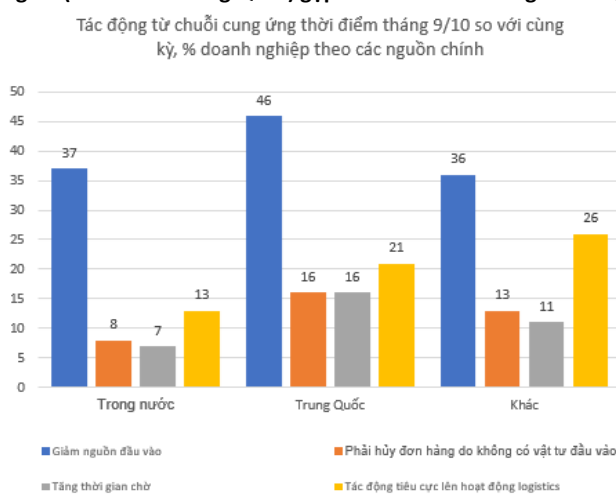
Hình 9: Các doanh nghiệp luôn gặp vấn đề về thanh khoản mặc dù tình hình có cải thiện đôi chút



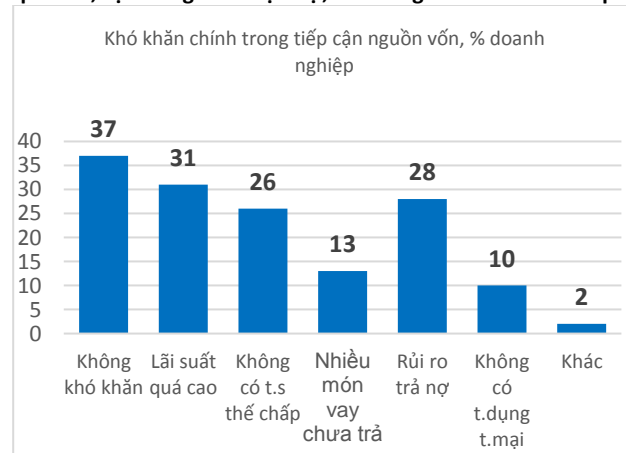
Hình 6: Tác động lên cạnh tranh từ giảm cầu và giảm đối thủ cạnh tranh



Hình 8: Các doanh nghiệp phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài (nhất là từ Trung Quốc) gặp khó khăn hơn về nguồn cung



Hình 10: Các vấn đề chính trong tiếp cận nguồn vốn gồm lãi suất quá cao, sợ không trả được nợ, và không có tài sản thế chấp



ĐIỀU CHỈNH



Đầu tư vào thực hiện các biện pháp y tế

Hầu hết các doanh nghiệp đều áp dụng các biện pháp y tế nhằm bảo vệ người lao động và khách hàng (Hình 11). Các doanh nghiệp công nghiệp chế tạo và các doanh nghiệp lớn là các doanh nghiệp thực hiện nhiều biện pháp nhất nhưng thực tế các biện pháp này cũng không tốn kém. Giá trị đầu tư trung bình chiếm khoảng 0,9% doanh số năm 2019.

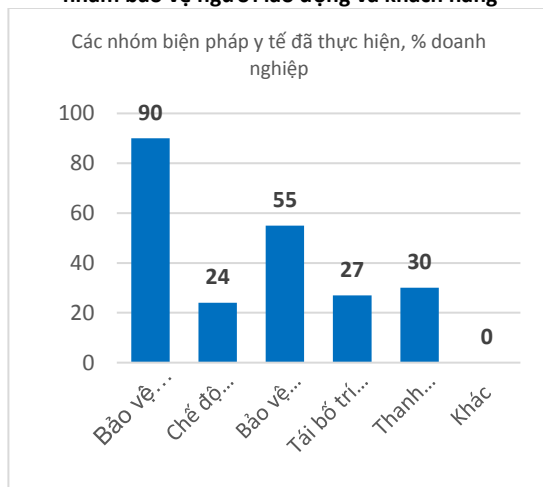


SỬ DỤNG CÁC NỀN TẢNG SỐ

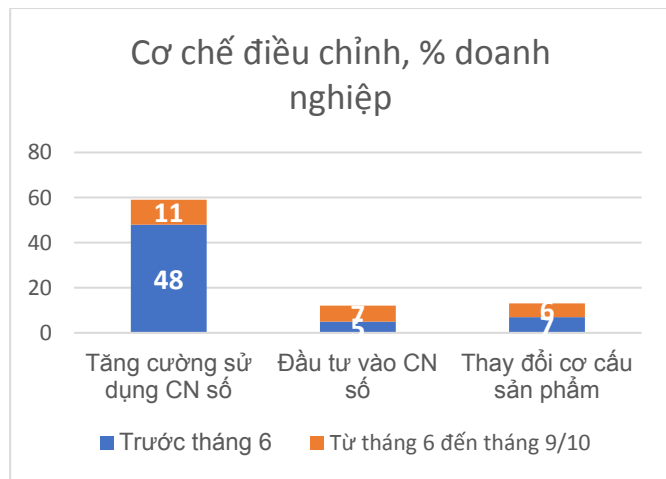
Các doanh nghiệp vẫn tiếp tục tăng cường ứng phó đại dịch nhờ sử dụng các nền tảng số; trong giai đoạn tháng 9-10 có gần 60% số doanh nghiệp thực hiện hoặc tăng cường sử dụng nền tảng số trong ứng phó Covid-19 (Hình 12). Lúc đầu con số các doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số tăng mạnh (48% vào thời điểm tháng 6), sau đó giảm xuống, nhưng vẫn tăng thêm 11% trong tháng 9-10. Tỷ lệ các doanh nghiệp đầu tư vào các giải pháp số và chuyển sang các sản phẩm số, dịch vụ số cũng thể hiện xu thế tương tự.

Các doanh nghiệp SME thường áp dụng nền tảng số cho các quy trình nghiệp vụ không phức tạp lắm, có thể do thiếu năng lực và nguồn lực. Công nghệ số hầu hết được ứng dụng trong các quy trình bán hàng, thanh toán—tức là các quy trình đơn giản hơn và đòi hỏi khoản đầu tư nhỏ hơn. Các doanh nghiệp lớn có xu thế ứng dụng nền tảng số vào các công đoạn phức tạp hơn, ví dụ lập kế hoạch sản xuất, quản lý chuỗi cung ứng, có lẽ do họ có năng lực và nhiều nguồn lực hơn các doanh nghiệp SME. Nhưng các doanh nghiệp SME cũng đang dần bắt kịp các doanh nghiệp lớn về đầu tư vào các nền tảng số. (Hình A3, Phụ lục)

Hình 11: Các biện pháp y tế được áp dụng chủ yếu nhằm bảo vệ người lao động và khách hàng



Hình 12: Tốc độ ứng dụng công nghệ số đã giảm



Dự báo thời gian tới

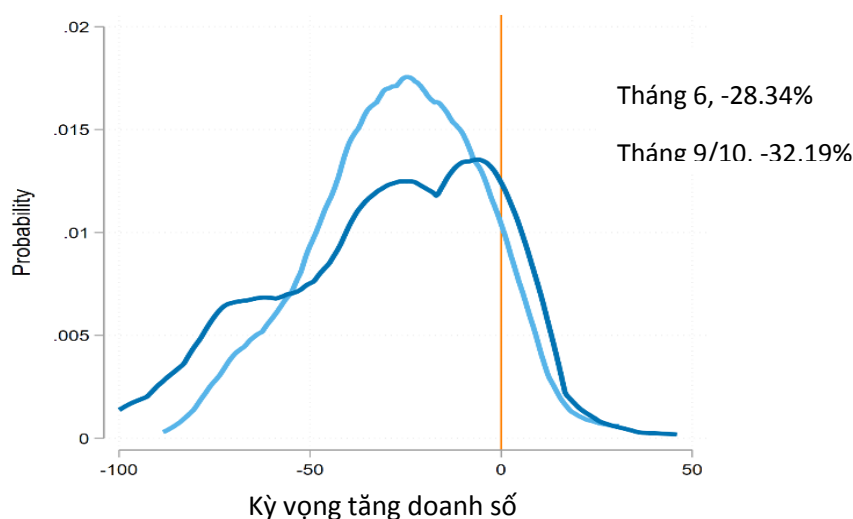


TÂM LÝ BẤT ĐỊNH

Hầu hết các doanh nghiệp đều cho rằng doanh số và việc làm sẽ giảm trong 6 tháng tới. Tính trung bình các doanh nghiệp dự kiến doanh số sẽ giảm 11-51% và việc làm sẽ giảm 7-61% trong vòng 6 tháng tới. Các doanh nghiệp cỡ vừa đưa ra dự đoán tiêu cực hơn các doanh nghiệp khác cả về doanh số (5%) và việc làm (11%).

Các doanh nghiệp cũng tỏ vẻ bi quan hơn về viễn cảnh tăng trưởng trong tháng 9-10 và điều chỉnh phần nào dự báo của mình. Mặc dù doanh số có vẻ lạc quan hơn phần nào kể từ tháng 6 nhưng các doanh nghiệp vẫn có tâm lý bi quan về viễn cảnh 6 tháng sắp tới. Các doanh nghiệp hạ thấp dự báo trước đây của mình do doanh số thực tế giảm trong 3 tháng gần nhất: trên thực tế, mức tăng trưởng tháng 9-10 thấp hơn nhiều so với dự kiến hồi tháng 6; các doanh nghiệp tiếp tục bị giảm sút doanh số trong tháng gần đây nhất lại càng cảm thấy bi quan hơn.

Hình 13: Dự báo về doanh số của doanh nghiệp trong 6 tháng tới lại càng bi quan hơn



Hỗ trợ chính sách

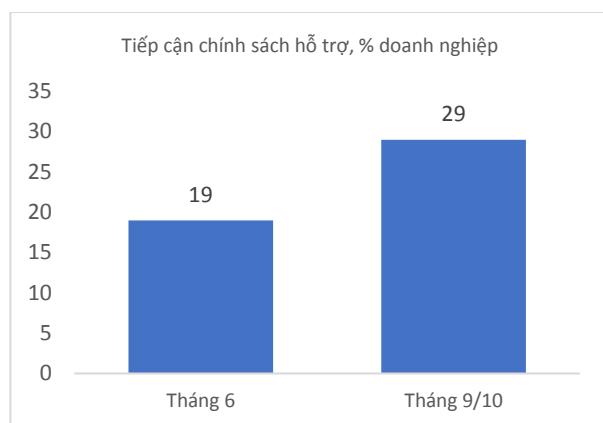


HỖ TRỢ TỪ PHÍA CHÍNH PHỦ

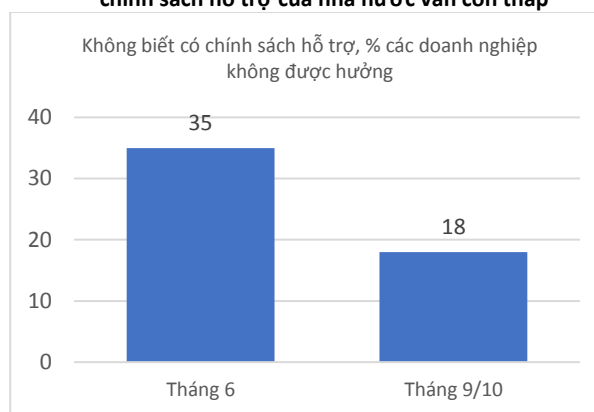
Tỉ lệ các doanh nghiệp nhận được sự hỗ trợ từ chính phủ tăng mạnh (10%) kể từ tháng 6 (Hình 14). Hình thức hỗ trợ chủ yếu mà các doanh nghiệp nhận được là giãn thời hạn nộp thuế và các khoản khác (17% số doanh nghiệp). Các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp ngành công nghiệp chế tạo dễ tiếp cận hơn, trong đó các doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp có tỉ lệ tiếp cận cao hơn hẳn.

Hai cản trở chính trong tiếp cận hỗ trợ của nhà nước là mức độ nhận biết về chương trình hỗ trợ này còn thấp và các thủ tục rườm rà kèm theo; tuy nhiên trong giai đoạn kể từ sau tháng 6, mức độ nhận biết của các doanh nghiệp đã có sự cải thiện (Hình 15). Nguyên nhân dẫn đến tình trạng không nhận được hỗ trợ từ nhà nước trong các doanh nghiệp thuộc các ngành và quy mô khác nhau đều giống nhau. Cho đến nay chưa thấy có mối tương quan nào giữa hỗ trợ nhận được với kết quả kinh doanh, tuyển dụng hoặc sa thải lao động, hay có vấn đề về thanh khoản.

Hình 14: Tỷ lệ các doanh nghiệp được hỗ trợ đã tăng mạnh



Hình 15: Tuy đã có cải thiện nhưng mức độ nhận biết về các chính sách hỗ trợ của nhà nước vẫn còn thấp



Các bước tiếp theo

Cần tiếp tục theo dõi tình hình để hiểu rõ cách thức các doanh nghiệp Việt Nam hồi phục và tự điều chỉnh trong quá trình ứng phó đại dịch COVID-19. Hiện nay chúng tôi đã lên kế hoạch thực hiện tiếp 3 đợt điều tra nữa trong khoảng thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 4/2021. Công tác thực địa đợt điều tra lần 3 sẽ được thực hiện từ tháng 12/2020 đến tháng 1/2021. Ngoài ra, trong tháng 11/2020 sẽ thực hiện một nghiên cứu nhỏ về tác động giới của COVID-19.

Kết quả và thông tin về điều tra được đăng tải trên trang web theo dõi COVID:

<https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/brief/monitoring-households-and-firms-in-vietnam-during-covid-19>

Hộp 1: Phương pháp điều tra BPS

Thông tin trình bày trong bản tin này là kết quả cuộc điều tra BPS do Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới thực hiện. BPS là sáng kiến toàn cầu của Ngân hàng Thế giới và các đối tác nhằm tìm hiểu tác động của đại dịch COVID-19 lên các doanh nghiệp tư nhân và được thực hiện hoặc sẽ thực hiện tại trên 40 quốc gia. Trong đợt điều tra lần đầu tại Việt Nam chúng tôi đã phỏng vấn qua điện thoại trong giai đoạn tháng 9-10/2020 501 doanh nghiệp tại 15 tỉnh, thành thuộc các nhóm quy mô khác nhau và thuộc 4 nhóm ngành nông nghiệp, công nghiệp chế tạo, bán buôn & bán lẻ, và dịch vụ khác.

Lời cảm ơn

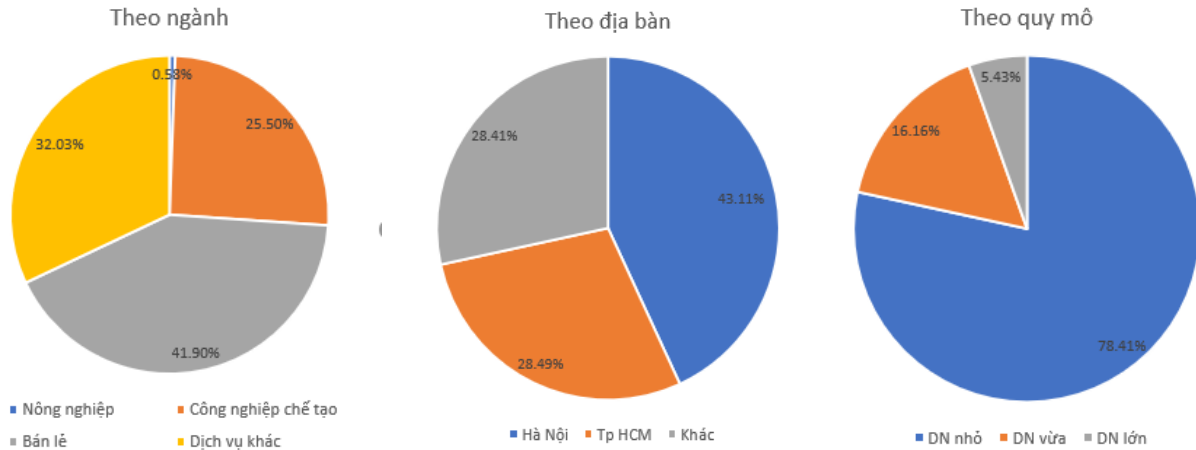
Nhóm điều tra chân thành cảm ơn Chính phủ Úc về khoản tài trợ cho cuộc điều tra BPS tại Việt Nam trong khuôn khổ dự án Đối tác Chiến lược Úc – Ngân hàng Thế giới, Giai đoạn 2.

Bài thuyết trình kèm theo được biên soạn bởi Shawn Tan (Chuyên gia Kinh tế Cao cấp, EAAF1), Trang Trần (Chuyên gia Kinh tế Cao cấp, ETIFE) và Sarah Hebous (Tư vấn). Cuộc điều tra được thực hiện bởi Trang Trần và Xavier Cirera (Chuyên gia Kinh tế Cao cấp, ETIFE). Quá trình thực hiện điều tra và xử lý số liệu được hỗ trợ bởi Tanay Balantrapu, Sarah Hebous, và Kyungmin Lee (Tư vấn, ETIFE). Hoa Châu Nguyễn (Trợ lý Chương trình, EACVF) thực hiện hỗ trợ hành chính.

Hassan Zaman (Giám đốc Khu vực, EEADR), Carolyn Tuck (Giám đốc Quốc gia, Việt Nam), Zafer Mustafaoglu (Giám đốc Ban, EAAF1) và Denis Medvedev (Giám đốc Ban, ETIFE) đã tham gia chỉ đạo và hỗ trợ, và Asya Akhlaque (Chuyên gia Kinh tế Trưởng, EAAF2) và Brian Mtonya (Chuyên gia Kinh tế Cao cấp, EAAF1) cũng tham gia đóng góp ý kiến.

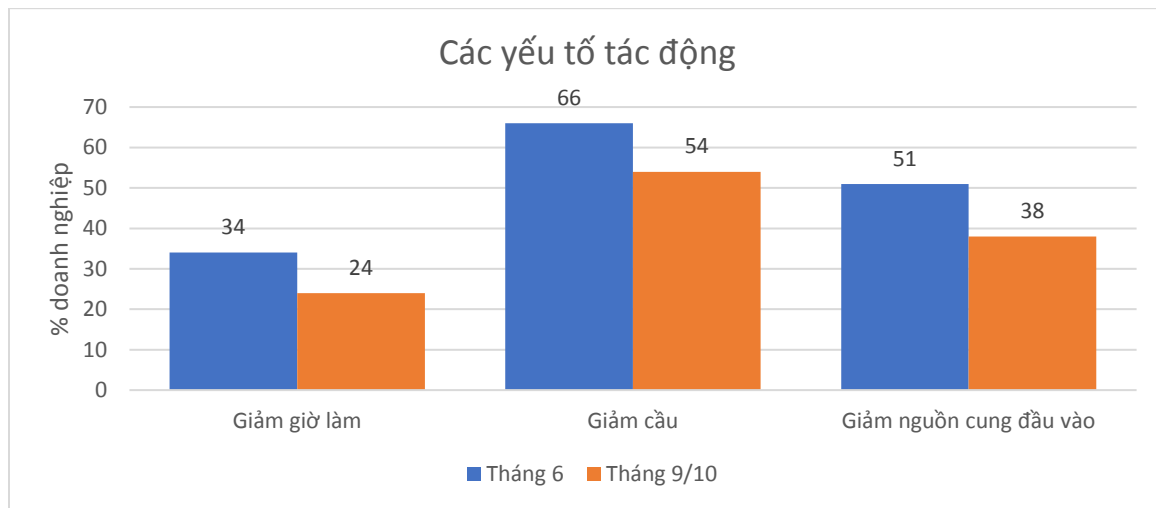
Phụ lục

Hình A1: Cơ cấu mẫu



Ghi chú: Quy mô doanh nghiệp phụ thuộc vào số lao động như sau: Doanh nghiệp nhỏ (5-19), vừa (20-99), lớn (>100). Dịch vụ gồm bán buôn và bán lẻ; Dịch vụ khác gồm tất cả các ngành dịch vụ khác, trừ bán buôn, bán lẻ.

Hình A2: Các yếu tố tác động lên hoạt động của doanh nghiệp so với cùng kỳ (% doanh nghiệp)



Hình A3: Ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh & đầu tư vào công nghệ số theo quy mô doanh nghiệp

